TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **572**/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 11 - 2024
V/v tranh chấp "*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán:Ông Huỳnh Việt Trung.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: *"Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 545/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn H**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lê Kim T1**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông **Trần Minh H1**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Ông **Trần Minh H2**, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà **Diệp Ngọc K**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số A T, khu phố A, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền của ông H2, bà K, bà T1 là ông Trần Minh H1, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn - bà **Nguyễn Thị T**.

(Có mặt bà T, ông H và ông H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Thửa đất 132 của bà T giáp đất của ông Đặng Văn H3 là anh của ông Đặng Văn H có đường nước khoảng 3mét, dài trên 15mét nối với cái ao chạy ra con rạch dùng để thoát nước và lấy nước. Thửa đất này do bà T đổi đất với bà Diệp Ngọc K , bà K phải chừa cho bà T một lối đi vào và một đường mương để thoát nước, lấy nước nhưng trong giấy tay ngày 28/6/2003 bà K chỉ ghi đổi diện tích 1790m^2. Ngày 16/9/2022, hai bên tiến hành đo đạc để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chồng bà K là ông H2 xác nhận khi đổi đất có chừa cho bà T một lối đi vào nhà và một đường mương thoát nước, nên địa chính tiến hành đo đạc làm thủ tục cấp đất cho bà T diện tích 1903,2m^2, tờ bản đồ số 20, loại đất lúa theo Giấy chứng nhận số CN11982 cấp ngày 17/8/2023 cho bà T trực tiếp sử dụng cho đến nay. Đất của ông H giáp đất của ông H3, từ trước đến nay ông H đặt bằng ống nhựa băng qua lộ để bơm nước vào đất của ông H. Năm 2013, ông H tự bửa bờ của đường nước đặt ống trong mương của bà T để bơm nước qua ao nhà ông H để sử dụng vào mục đích chăn nuôi, từ đó hai bên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần bà T có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được. Ông H tự ý bửa lối đi của đường nước nên không giữ được nước nên bà T phải đắp thêm một bờ sát bên để giữ nước nhưng ngày 09/6/2023 ông H bửa tiếp bờ đất ngang 1,5m dài 1m để sử dụng bơm nước không được sự đồng ý của bà T mặc dù ông H có đường bơm nước khác. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn H chấm dứt việc tự cuốc đất làm đường mương thoát nước và lấp lại phần đất ông H đã cuốc trên đất của bà T (ngang 1,5m, dài 1m) trên thửa đất 132, tờ bản đồ số 20, diện tích 1903.2m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN11928 do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cấp ngày 17/8/2003 cấp cho hộ Nguyễn Thị T, thửa đất tọa lạc ở ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn là ông Đặng Văn H trình bày: Đường mương thoát nước là bên ông H1 cho ông H sử dụng từ năm 2003. Ông H không có lấn chiếm đất của bà T nên ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Minh H1 trình bày: Đường mương thoát nước thuộc quyền sử dụng của ông H1, do ông có mua lại bằng giấy tay nhưng chưa có chuyển quyền sử dụng nên còn đứng tên ông H2 và bà T1. Nay ông H1 có ý kiến đường mương thoát nước ngay vị trí tranh chấp ông H1 đồng ý cho tất cả bà con xung quanh được sử dụng để sổ xả, lấy nước nhưng đừng để ai ngập úng là được. Ngoài ra ông H1 không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Kim T1 trình bày: Ngay vị trí đường mương thoát nước đang tranh chấp là đất thuộc quyền sử dụng của bà T1 chuyển nhượng cho ông H1, mà bà T1 chưa có cắt đất chuyển quyền sang tên cho ông H1. Bà T không được đứng tên trên giấy chứng nhận phần đường mương thoát nước đang tranh chấp nên yêu cầu khởi kiện của bà T là không đúng. Ngoài ra bà T1 không có ý kiến gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào Điều 164, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc ông Đặng Văn H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và lấp lại phần đất ông H đã đào trên lối đi của đường mương thoát nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 26/9/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chấm dứt hành vi tự cuốc đất bờ mương và đặt ống, yêu cầu bị đơn lấp đất và móc ống lên phần đất mà bị đơn đã cuốc.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Đặng Văn H và ông Trần Minh H1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T còn trong thời hạn quy định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị T kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông H. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế của Chi nhánh văn phòng Đăng kí đất đai huyện G so với hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của thửa đất 132, tờ bản đồ 20, diện tích 1.903,2m^2 của bà Nguyễn Thị T thì phần đất đất tranh chấp không nằm trong thửa 132 nêu trên của bà T, mà thuộc một phần các thửa đất số 111, 629 của bà Lê Kim T1 và thửa đất số 627 của ông Trần Minh H2, cụ thể:

+ Tại vị trí 2 đang tranh chấp: Diện tích 137,7m^2 thuộc một phần của thửa 629 của bà Lê Kim T1.

+ Tại vị trí 3 đang tranh chấp: Diện tích 151,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 629 của ông Trần Minh H2.

+ Tại vị trí 4 đang tranh chấp: Diện tích 89,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 111 của bà Lê Kim T1.

+ Thửa đất 132 của bà T qua đo đạc thực tế có diện tích 1903,2m^2 đúng với diện tích trên giấy chứng nhận bà T được cấp.

Mặt khác, căn cứ vào lời trình bày của ông Đặng Văn H thì đường mương thoát nước là của ông Trần Minh H1 cho ông H sử dụng từ năm 2003. Ông Trần Minh H1 cũng thừa nhận đường mương thoát nước thuộc quyền sử dụng của ông H1 mua lại bằng giấy tay nhưng chưa chuyển quyền sử dụng nên còn đứng tên ông H2, bà T1. Bà Lê Kim T1 cũng thừa nhận đã chuyển nhượng phần đất có đường mương cho ông H1 nhưng chưa sang tên.

Tại phiên toà ông H và ông H1 trình bày ông H bửa đất trên con mương tranh chấp là để xả nước mưa chống ngập úng, không làm ảnh hưởng đến việc cấp thoát nước hoặc tưới tiêu của bà T hoặc những hộ xung quanh.

Từ các chứng cứ nêu trên cho thấy bà Nguyễn Thị T không phải là chủ sử dụng đất của đường mương thoát nước đang có tranh chấp và việc ông H bửa đất (cuốc đất) trên con mương thoát nước để chống ngập úng không làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, sản xuất của bà T và những hộ dân xung quanh. Cho nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp pháp luật.

Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua xem xét bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm có một số thiếu sót cần khắc phục như sau:

- Bản án căn cứ vào Điều 164, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không đúng vì Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến thời điểm này chưa có Bộ luật sửa đổi, bổ sung.

- Mặc dù phần nhận định của bản án có nêu bà T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định, nhưng phần quyết định của bản án không nêu về phần án phí là chưa đầy đủ.

- Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại ghi: "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự…." là không cần thiết.

Những thiếu sót nêu trên mặc dù không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và cấp phúc thẩm có thể khắc phục, bổ sung được, nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

3. Về án phí: Bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên bà T được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc ông Đặng Văn H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và lấp lại phần đất ông H đã đào trên lối đi của đường mương thoát nước.

2/- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí sơ và phúc thẩm.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy